TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST Ngày: 02-12-2022 V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Xuôi.
Bà Lê Thị Cảnh.
- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dư – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Lập – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 513/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 về *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Kim Ch, sinh năm: 1995 *(Có mặt)*.
Địa chỉ: ấp LCA, xã ATA, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
- *Bị đơn*: Anh Lê Văn C, sinh năm: 1987 *(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)*.
Địa chỉ: ấp PĐ, xã BP, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31-10-2022, bản tự khai ngày 09-11-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim Ch trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn C đi đến hôn nhân qua mai mối, được cha mẹ hai bên chấp nhận, làm lễ cưới vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BP vào ngày 24-11-2016. Có vàng nữ trang ngày cưới gồm đôi bông tai 01 chỉ 24K, một sợi dây chuyền 03 chỉ 24K, một vòng đeo tay 02 chỉ 24K và nhẫn cưới 08 phân vàng 18K, hiện do anh C đang quản lý, còn một nhẫn cưới 06 phân vàng 18K do chị đang quản lý. Sau ngày cưới, vợ chồng đi làm công nhân, ở nhà thuê tại Bình Dương. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc. Đến năm 2018

thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải, vợ chồng không còn quan tâm tin tưởng lẫn nhau. Nên đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nên chị khởi kiện xin được ly hôn với anh Lê Văn C.

Về con chung: Chị và anh Lê Văn C có một con chung là Nguyễn Lâm N, sinh ngày 11-3-2018, sống chung với chị từ lúc mới sinh cho đến nay. Khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền nuôi con. Theo đơn khởi kiện, chị yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con chung tròn 18 tuổi, nhưng quá trình giải quyết vụ án chị tự nguyện rút lại không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nữa, vì suốt thời gian dài sống ly thân với anh C, chị vẫn đủ khả năng để nuôi tốt con chung.

Tài sản chung: Vàng nữ trang cưới anh C tiếp tục quản lý, chị không tranh chấp. Và chị xác định quá trình chung sống, chị với anh C không tạo lập thêm tài sản chung gì với nhau.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị xác định chị và anh C không nợ chung của ai, cũng không ai nợ chung của chị với anh C, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài những giấy tờ đã nộp kèm đơn khởi kiện, thì chị không nộp thêm chứng cứ để Tòa án xem xét. Chị cũng không thuộc diện gia đình chính sách nào.

Tại bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt cùng ngày 09-11-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn C trình bày:

Anh thống nhất lời trình bày của chị Nguyễn Thị Kim Ch về tình trạng hôn nhân của vợ chồng là đi đến hôn nhân qua mai mối, cưới vào năm 2016, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã BP. Nữ trang cưới có đôi bông 01 chỉ vàng 24K, tấm lắc 02 chỉ vàng 24K, sợi dây chuyền 1,5 chỉ vàng 24K cộng mặt dây chuyền 05 phân vàng 24K, một chiếc vòng tay 01 chỉ vàng 24K, một chiếc nhẫn cưới 08 phân vàng 18K của anh và một nhẫn cưới chiếc 06 phân vàng 18K của chị Ch. Quá trình ly thân nhau, vàng cưới (trừ chiếc nhẫn cưới của chị Ch quản lý) còn lại đều do anh quản lý nhưng hiện nay anh đã bán hết để sử dụng nên không còn. Sau ngày cưới, vợ chồng đi làm ở Bình Dương. Thời gian này phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc, xảy ra cự cải và không còn tin tưởng lẫn nhau. Đến tháng 02 năm 2019, sau khi chị Ch về ở bên nhà cha mẹ ruột thì sinh con mà không cho anh hay biết. Lúc chị Ch sinh con, anh có về chăm sóc. Đến khi xuất viện, anh có chở chị Ch và con về nhà cha mẹ vợ. Anh có nói chị Ch đưa giấy xuất viện để anh đi làm khai sinh con, nhưng chị Ch yêu cầu anh phải đưa vàng thì chị Ch mới đưa giấy tờ. Rồi anh có đưa cho chị Ch 04 chỉ vàng 24K để chị Ch chăm sóc con, nhưng chị Ch vẫn không đưa giấy tờ cho anh đi làm khai sinh con. Sau đó, chị Ch tự ý đi làm khai sinh con mang họ của chị Ch mà không mang họ của anh. Anh đã sống ly thân với chị Ch từ lúc chị Ch sinh con cho đến nay. Vì tình cảm vợ chồng không còn, nên nay anh cũng đồng thuận ly hôn với chị Ch.

Về con chung: Tuy cháu Nguyễn Lâm N, sinh ngày 11-3-2018, từ nhỏ đến giờ sống chung với mẹ là chị Ch, cháu không mang họ của anh, nhưng anh xác

định cháu N là con chung của anh với chị Ch. Sau khi ly hôn, anh đồng ý để con cho chị Ch tiếp tục nuôi dưỡng, anh hoàn toàn không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, nếu chị Ch nuôi con không nổi, thì giao con lại cho anh nuôi.

Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung phải thu, phải trả: Anh thống nhất xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Anh thống nhất với các chứng cứ chị Ch đã nộp kèm theo đơn khởi kiện mà Tòa án đã công khai cho anh được biết. Riêng anh không yêu cầu gì, nên không cung cấp chứng cứ gì để Tòa án xem xét, cũng không thuộc diện gia đình chính sách nào.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị Kim Ch có mặt giữ nguyên yêu cầu và ý kiến đã trình bày; Anh Lê Văn C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 53, 54, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim Ch: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Ch với anh Lê Văn C. Về con chung là Nguyễn Lâm N, sinh ngày 11-3-2018 giao cho chị Ch tiếp tục nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Ch không tiếp tục yêu cầu giải quyết, nên không xem xét; Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Về tài sản chung: Chị Ch và anh C không tranh chấp, không yêu cầu, nên không xem xét; Về nợ chung: Chị Ch và anh C cùng xác định không có, nên không xem xét. Ngoài ra, Vị đề nghị các đương sự có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện C nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Lê Văn C là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án nhân dân huyện C triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử vụ án tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, nhưng anh C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt do bận công việc làm ở xa, không có mặt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Lê Văn C theo luật định.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Kim Ch và anh Lê Văn C xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BP vào ngày 24-11-2016, nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do những bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung, thiếu sự quan tâm, chăm sóc, tin tưởng lẫn nhau, dẫn đến anh chị tự ý sống ly thân từ đó cho đến hôm nay mà không hàn gắn lại được.

[3] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,…"*, nhưng chị C và anh C đã không thực hiện được các nghĩa vụ này với nhau. Hiện tại, anh chị mỗi người mỗi việc, sống ở hai nơi khác nhau, không còn quan tâm, cũng không liên hệ để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[4] Chị Ch và anh C cùng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết sớm vụ án. Tại phiên hòa giải ngày 09-11-2022, hai anh chị cùng có mặt thống nhất thuận tình ly hôn, nhưng chị Ch giữ nguyên yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, còn anh C cương quyết không đồng ý cấp dưỡng nuôi con mà ý kiến chị Ch nuôi con không được thì giao con lại cho anh nuôi. Nên kết quả hòa giải không thành. Kết thúc phiên hòa giải, anh C đã làm đơn yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án vắng mặt anh theo quy định pháp luật.

[5] Từ những nhận định trên, thấy rằng đời sống chung của vợ chồng chị Ch, anh C đang trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Nên chị Nguyễn Thị Kim Ch và anh Lê Văn C thuận tình ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Kim Ch và anh Lê Văn C thống nhất xác định có một người con chung tên Nguyễn Lâm N, sinh ngày 11-3-2018, hiện đang sống chung với chị Ch. Khi ly hôn, chị Ch yêu cầu được quyền nuôi con và anh C cũng thống nhất; Tại phiên tòa hôm nay, chị Ch vẫn giữ nguyên việc tự nguyện rút phần yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Nên cần giao con chung cho chị Ch được

quyền nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật và đình chỉ phần yêu cầu của chị Ch về việc yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

[7] *Về tài sản chung*: Tòa án đã giải thích theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nhưng chị Nguyễn Thị Kim Ch và anh Lê Văn C chưa đặt ra yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[8] *Về nợ chung*: Do chị Nguyễn Thị Kim Ch và anh Lê Văn C cùng thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ anh chị, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[9] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Do chị Nguyễn Thị Kim Ch và anh Lê Văn C đã thỏa thuận tự nguyện ly hôn, nên anh chị chỉ phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn (mỗi bên phải chịu 25% mức án phí quy định).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 70, 144, 147, 227, 228, 244, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 53, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Mục 11 Phần IV về tố tụng dân sự Công văn số 02/TANDTC-PC ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải đáp một số vướng mắc trong xét xử.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim Ch.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim Ch và anh Lê Văn C tự nguyện thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Lâm N, sinh ngày 11-3-2018 cho chị Nguyễn Thị Kim Ch tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đình chỉ phần yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim Ch đối với anh Lê Văn C.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kim Ch và anh Lê Văn C chưa yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim Ch và anh Lê Văn C thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ anh chị, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Kim Ch phải chịu án phí là 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0013561 ngày 31 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Hoàn trả lại cho chị Ch 225.000 đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

Anh Lê Văn C phải chịu án phí là 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã BP;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Thảo